TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÉ **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/ HNGĐ- T
Ngày 29-8-2017
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Vân Anh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Đỗ Ngọc Thắng
2. Ông: Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Oanh, Thư kí Tòa án nhân dân huyện Yên Thế. Tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế có công văn đề nghị không tham gia phiên tòa. Thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 29-8-2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2017/TLST-HNGĐ ngày 29-5-2017 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2017/QĐXX-ST, ngày 14-8-2017 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Văn K,** sinh năm 1968 (có mặt).
+ Bị đơn**: Chị Hoàng Thị D,** sinh năm 1972 (có mặt).
Cùng địa chỉ: Bản Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai của anh Nguyễn Văn K trình bầy : Anh Nguyễn Văn K và chị Hoàng Thị D chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2016 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị D nghi ngờ anh có quan hệ nam nữ bất chính với người khác nên vợ chồng thường xảy ra đánh cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ 8/2016 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn anh đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị D.

* Về con chung: Anh K, chị D đã có 3 con chung là Nguyễn Thị D1, sinh năm 1992, Nguyễn Thị D2, sinh năm 1995, Nguyễn Văn H, sinh ngày 04-4-2001. Hiện nay hai con đầu đã lớn, trưởng thành anh K không yêu cầu giải

quyết việc nuôi con, còn cháu H anh và chị D tự thỏa thuận việc nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về tài sản: Gồm 2 thửa đất là thửa 247, tờ bản đồ số 57, diện tích 2.872,5 m^2 trên đất có 17 cây vải thiều, 100 cây bạch đàn và thửa 217, tờ bản đồ số 57, diện tích đất 786,2 m^2 trên đất có 120 cây bạch đàn ở Bản Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh B; 04 con lợn lái, 3 con lợn đực giống, 01 xe máy Honda 81; 01 xe máy Honda WRS. Ngoài ra không còn tài sản gì nữa. Về tài sản anh K tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, ruộng canh tác: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai chị Hoàng Thị D trình bầy: Chị Hoàng Thị D và anh Nguyễn Văn K chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh K có quan hệ nam nữ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường sảy ra đánh cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ 8/2016 đến nay, nay tình cảm vợ chồng không còn anh K đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị D, phía chị D cũng đồng ý.

* Về con chung anh K, chị D đã có 3 con chung là Nguyễn Thị D1, sinh năm 1992, Nguyễn Thị D2, sinh năm 1995, Nguyễn Văn H, sinh ngày 04-4-2001. Hiện nay các con chung đã lớn và trưởng thành chị D không yêu cầu giải quyết việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản: Gồm 2 thửa đất thửa 247, tờ bản đồ số 57, diện tích 2.872,5m^2 trên đất có 17 cây vải thiều, 100 cây bạch đàn và thửa 217, tờ bản đồ số 57, diện tích đất 786,2 m^2 trên đất có 120 cây bạch đàn ở Bản Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh B; 04 con lợn lái, 3 con lợn đực giống, 01 xe máy Honda 81; 01 xe máy Honda WRS. Ngoài ra không còn tài sản gì nữa. Về tài sản chị D đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, ruộng canh tác: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Anh Nguyễn Văn K và chị Hoàng Thị D chung sống với nhau từ ngày năm1990 nhưng không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Do vậy đây là hôn nhân không hợp pháp vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh K có mối quan hệ nam nữ bất chính, vợ chồng thường sảy ra bất đồng đánh cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ 8/2016 đến nay. Nay anh K yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị D. Xét thấy tại phiên tòa cả anh K, chị

D đều thừa nhận tình cảm giữa anh và chị đến nay không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu của anh K là có căn cứ chấp nhận. Xong do anh K, chị D chung sống với nhau không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận. Căn cứ vào điểm c, mục 3, Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn K và chị Hoàng Thị D.

* Về con chung anh K chị D xác định có 3 con chung là Nguyễn Thị D1, sinh năm 1992, Nguyễn Thị D2, sinh năm 1995, Nguyễn Văn H, sinh ngày 2001. Hiện nay hai con đã lớn đã trưởng thành, còn cháu H thì anh K và chị D đã tự thỏa thuận việc nuôi con, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

* Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Anh K, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét giải quyết.

* Về tiền án phí: Anh K là hộ cận nghèo nên được miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1, Điều 14 của Luật hôn nhân gia đình; Điểm c, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09-6-2010 của Quốc hội;

Điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn K và chị Hoàng Thị D.

Về tiền án phí: Miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho anh Nguyễn Văn K. Trả lại anh Nguyễn Văn K số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh K đã nộp tại biên lai số: 02121 ngày 29-5-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- THA huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Vân Anh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- THA huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Vân Anh